

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ - ST
Ngày : 14 - 5 - 2020
V/v: “Xin ly hôn và chia tài sản
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Vương

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Văn Lợi

- Bà Phạm Thị Hồng Khuyên

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Anh Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa có ông Phạm Văn Bảng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc kiện “Xin ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trương Thị T, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Số S thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

*** Bị đơn:** Ông Hoàng T1, sinh năm 1959

Nơi cư trú: Số S thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị T thì:** Bà và ông Hoàng T1 có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, hôn nhân giữa ông bà được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đã đăng ký kết hôn vào ngày 17/12/1988 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó khoảng năm 2000 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T1 hay ghen tuông vô cớ, nhiều lần nhậu say về gây sự, chửi bới và đe dọa bà bằng dao nên luôn tạo cho bà sợ hãi vì thời điểm này các con chung đã trưởng thành và không sống chung nhà nên tinh thần bà luôn bất an. Bà đã ra ngoài thuê nhà ở riêng từ tháng 10/2018 đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, việc ai người đó làm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không thể hàn gắn nên xin ly hôn với ông Hoàng T1.

- Về con chung: Giữa ông bà có 03 người con chung tên Hoàng Thị Phương C, sinh năm 1995; Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1998 và Hoàng Trọng N, sinh năm 2000. Hiện nay các con chung trên đã thành niên và tự lập cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng là diện tích đất 2.164m² (trong đó có 400m² đất ở) thuộc thửa đất số 14 tờ bản đồ số 09 (nay là thửa đất 183 tờ bản đồ 12) tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/02/2000. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và khoảng 100 cây tiêu trồng trên đất. Nguồn gốc diện tích đất trên là vợ chồng bà nhận sang nhượng lại của chị gái Trương Thị N năm 1991, đến năm 2009 vợ chồng ông bà xây dựng 01 căn nhà cấp 4 để ở. Nay bà yêu cầu được nhận ½ tài sản chung nói trên.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết

* **Bị đơn ông Hoàng T1 trình bày:** Đúng là giữa ông và bà Trương Thị T có thời gian tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn như bà T trình bày ở trên. Thời gian đầu gia đình hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn chính do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông thừa nhận trong lúc tức giận ông đã có những lời lẽ xúc phạm bà T và cầm dao hù dọa làm bà T lo sợ. Tuy nhiên mục đích của ông là muốn vợ chồng không cãi nhau nữa. Nay ông đã nhận ra mình đã sai, nhiều lúc nóng tính nên có những hành động không đúng với bà T. Bà T đã chuyển ra ngoài thị trấn L thuê nhà riêng ở từ tháng 10 năm 2018 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn không trầm trọng nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: giữa ông bà có 03 người con chung tên Hoàng Thị Phương C, sinh năm 1995; Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1998 và Hoàng Trọng N, sinh năm 2000. Hiện nay các con chung trên đã thành niên và tự lập cuộc sống riêng nên nay ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông thống nhất tài sản chung của vợ chồng diện tích đất 2.164m² (trong đó có 400m² đất ở) thuộc thửa đất số 14 tờ bản đồ số 09 (nay là thửa đất 183 tờ bản đồ 12) tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 24/02/2000. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4 và khoảng 100 cây tiêu trồng trên đất. Nay bà T yêu cầu chia tài sản chung thì ông đề nghị phân nhà, đất đều chia đôi cho hai bên theo quy định.

- Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay bà T vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu được ly hôn với ông T1, bà tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung; ông T1 có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với bà T, ông đồng ý với việc bà T rút yêu cầu chia tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; cũng như sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự tham gia tố tụng và có quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa bà Trương Thị T và ông Hoàng T1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/12/1988 hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn và nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 và chia tài sản chung của vợ chồng. Do vậy căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “Xin ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn” giữa nguyên đơn là bà Trương Thị T và bị đơn là ông Hoàng T1, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do không cùng quan điểm sống, sống không hiểu và thông cảm chia sẻ lẫn nhau. Trong cuộc sống gia đình theo bà T trình bày thì tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách do ông T1 ghen tuông vô cớ, nhậu nhẹt về thường gây sự, gây áp lực tinh thần và xúc phạm bà. Không khí trong gia đình nặng nề, bức bối, các bên sống không tôn trọng lẫn nhau. Còn ông T1 cũng thừa nhận trước đây cũng có nhậu say về chửi bà và có lần cầm dao rựa dọa nạt gây cho bà hoảng sợ nhưng thời gian qua ông đã thay đổi nhiều. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích của hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ và hạnh phúc; vợ chồng cần quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau. Tuy nhiên qua xem xét đánh giá tình trạng hôn nhân hiện nay giữa các bên cũng như các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập nhận thấy khi mâu thuẫn trầm trọng thì bà T đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng từ tháng 10/2018 đến nay, các bên cũng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống chung vợ chồng giữa hai bên không còn tồn tại. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu xin ly hôn với ông T1 là hoàn toàn có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Hiện nay các con chung giữa bà T và ông T1 đã thành niên, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa hôm nay bà T tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn, xét thấy việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà T là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà T.

[5] Về nợ chung các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng theo Điều 115 Luật hôn nhân gia đình nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị T, cho bà Trương Thị T và ông Hoàng T1 được ly hôn với nhau.

2/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà Trương Thị T.

3/Về án phí: Bà Trương Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0013305 ngày 13/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng. Hoàn trả cho bà Trương Thị T 6.250.000đồng tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo biên lai 0013439 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã T
- Các đương sự
- Lưu HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Vương